

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2017/HS-ST
Ngày: 19-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Chí;
2. Ông Nguyễn Văn Hân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã P, huyện B1, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2017/HSST ngày 13 tháng 10 năm 2017; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2017/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1977, tại tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ ĐKHKTT: Tổ 17, Ấp 1, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ nơi cư trú hiện nay: Khu phố B, phường H1, thị xã T1, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn T2 và bà Phạm Thị G; chồng tên Đặng Văn L, sinh năm 1973; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27-4-2017 cho đến nay, có mặt.

2. Phạm Thị Kim C, sinh năm 1959, tại tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp M, xã P, huyện B1, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: biết đọc, biết viết; dân tộc: Kinh; con ông Phạm Văn Q (đã chết) và bà Huỳnh Thị Kim V (đã chết); chồng tên Nguyễn Ngọc T3, sinh năm 1958; con có 06 người, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27-4-2017 cho đến nay, có mặt.

3. Đặng Thị G1, sinh năm 1950, tại Campuchia; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp M, xã P, huyện B1, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; con ông Đặng Văn A (đã chết) và bà Đỗ Thị Đ1; chồng tên Mai Hữu T4, sinh năm 1952; con có 01 người sinh năm 1975; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27-4-2017 cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Đ:* Bà Nguyễn Thị Kim D, Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Thị Kim D thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Kim C:* Ông Nguyễn Thanh H2, Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Thanh H2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đặng Thị G1:* Bà Huỳnh Kim N, Luật sư Văn phòng luật sư Văn Nam Luật thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Bị hại:*

1. Võ Thị L1, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Ấp X, xã C1, huyện B1, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

2. Phạm Thị L2, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Khu phố 1, phường B2, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

3. Nguyễn Thị Ánh N1, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: Ấp Đ2, xã H3, huyện C2, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

4. Nguyễn Thị Hoa N2, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Ấp H4, xã V1, huyện B1, tỉnh Tây Ninh, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Đào Thị Mỹ L3, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Ấp S, xã Đ3, huyện B4, tỉnh Tây Ninh, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Phạm Văn L4, sinh năm 1980 - chồng của bị hại Võ Thị L1; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Nguyễn Hoàng H5, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Tổ 425, ấp 5A, xã B5, huyện C3, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

3. Nguyễn Ngọc T5, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Ấp M, xã P, huyện B1, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

4. Đào Thị Hà L5, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Khu 8, T6, phường D1, thành phố M1, tỉnh Quảng Ninh, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5 năm 2015, Nguyễn Thị Đ câu kết với các đối tượng có tên Sen, Nhiên đang sinh sống tại Trung Quốc để tuyển chọn và chuyển giao các phụ nữ Việt Nam bán cho đàn ông Trung Quốc; cứ mỗi một phụ nữ đàn ông Trung Quốc mua thì Đ sẽ nhận được số tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng, còn gia đình các phụ nữ sẽ nhận được 30.000.000 đồng. Từ thỏa thuận trên, Đ câu kết với Phạm Thị Kim C tìm kiếm phụ nữ giới thiệu cho Đ để đưa sang Trung Quốc, bán được 01 phụ nữ Đ trả cho C 2.000.000 đồng. Để dễ dàng dụ dỗ các phụ nữ, C tiếp tục câu kết với Đặng Thị G1 (làm nghề xem bói) để khi các phụ nữ đến xem bói thì G1 dùng lời nói hướng cho lấy chồng Trung Quốc sẽ được đổi đời, có cuộc sống sung túc, giàu sang, có điều kiện để phụ giúp gia đình và mỗi 01 phụ nữ G1 giới thiệu cho C sẽ nhận được 500.000 đồng. Khi đưa các phụ nữ sang Trung Quốc, Đ đã liên hệ Đào Thị Hà L5, Nguyễn Hoàng H5 và đối tượng có tên Bé Ba làm hộ chiếu, sổ thông hành, đặt mua vé máy bay, vé xe ô tô cho các phụ nữ đi từ Thành phố Hồ Chí Minh đến tỉnh Quảng Ninh để xuất cảnh sang Trung Quốc.

Với thủ đoạn trên, khoảng tháng 02 năm 2016, Đ cùng C và G1 đã tuyển chọn, chuyển giao 02 phụ nữ gồm: Phạm Thị L2 (Diễm) và Võ Thị L1 bán cho đàn ông Trung Quốc. Biết bị lừa dối, gia đình chị L1 phải giao cho Đ 18.000.000 đồng để chuộc và đưa chị L1 về nhà; còn chị L2 bị bệnh, không bán được nên phải đi làm thuê, đến tháng 9 năm 2016 tự giải thoát quay về Việt Nam.

Đến ngày 27-4-2017, Đ đang làm thủ tục cho 03 phụ nữ ra sân bay Tân Sơn Nhất để ra miền Bắc xuất cảnh sang Trung Quốc, gồm: Nguyễn Thị Hoa N2, Đào Thị Mỹ L3, Nguyễn Thị Ánh N1 thì bị phát hiện bắt giữ.

Ngoài ra, vào khoảng tháng 5 năm 2015, Đ cùng đồng phạm còn tuyển chọn các phụ nữ có tên Nguyễn Thị Cẩm T7, Võ Thị Ngọc N3, Lê Thị P1 và Nguyễn Thị H6 chuyển giao cho Sen bán cho đàn ông Trung Quốc. Hiện các chị T7, N3, P1, H6 đang sinh sống tại Trung Quốc, không làm việc được nên không đủ căn cứ chứng minh Đ cùng đồng phạm đã thực hiện hành vi phạm tội đối với 04 phụ nữ này.

Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, Đ hưởng lợi 10.000.000 đồng, C hưởng lợi 1.500.000 đồng, G1 hưởng lợi 500.000 đồng.

Các đối tượng Sen, Nhiên, Bé Ba không làm việc được nên chưa có căn cứ xử lý.

Hành vi của Đào Thị Hà L5, Nguyễn Hoàng H5 và Nguyễn Ngọc T5 không cấu thành tội phạm.

* Vật chứng trong vụ án: Có bảng thống kê kèm theo.

* Về kê biên tài sản: Các bị cáo không có tài sản nên không tiến hành kê biên.

* Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu bồi thường. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn L4 yêu cầu bị cáo Đ bồi thường 18.000.000 đồng, là số tiền anh L4 giao cho Đ để chuộc và đưa bị hại Võ Thị L1 về Việt Nam.

Tại Bản Cáo trạng số 26/QĐ/KSĐT-P2 ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Phạm Thị Kim C, Đặng Thị G1 về tội “Mua bán người” theo quy định tại các điểm b, đ, e, g khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với ba bị cáo và đề nghị:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Phạm Thị Kim C và Đặng Thị G1 phạm tội “Mua bán người”.

Áp dụng điểm b, đ, e, g khoản 2 Điều 119, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ từ 08 năm đến 09 năm tù.

Áp dụng điểm b, đ, e, g khoản 2 Điều 119, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Kim C từ 07 năm đến 08 năm tù.

Áp dụng điểm b, đ, e, g khoản 2 Điều 119, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị G1 từ 05 năm đến 06 năm tù.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41, Điều 42 của Bộ luật Hình sự, Điều 76 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Điều 592 của Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo nộp tiền thu lợi bất chính sung quỹ Nhà nước, buộc bị cáo Đ bồi thường cho anh L4 số tiền 18.000.000 đồng, miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đ trình bày: Thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã truy tố đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội do thiếu hiểu biết pháp luật, gia đình bị cáo có người tham gia Cách mạng, hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện nay rất khó khăn, chồng bị cáo bị tai nạn

giao thông, con bị cáo còn nhỏ để bị cáo được hưởng mức án khởi điểm theo đề xuất của vị đại diện Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo C trình bày: Thống nhất về tội danh, mức hình phạt cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát đã nêu. Trong vụ án này bị cáo đóng vai trò thứ yếu, chỉ là người giúp sức, thu lợi bất chính không đáng kể (1.500.000 đồng), bị cáo cũng không dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực đối với các bị hại. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo đã tự nguyện nộp lại thu lợi bất chính, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo lớn tuổi, đau bệnh để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự đưa ra một mức án thấp nhất tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa bản thân, sớm về với gia đình.

Luật sư bào chữa cho bị cáo G1 trình bày: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo về tội “Mua bán người” là có cơ sở. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo G1 không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 119 “Phạm tội có tổ chức” vì bị cáo không quen biết bị cáo Đ, không thỏa thuận với bị cáo C. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính, bị cáo lớn tuổi, trình độ văn hóa thấp, lạc hậu, không hiểu biết pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm p, k khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 03 năm tù.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, luật sư bào chữa cho các bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện: Bị cáo Đ đã câu kết và thỏa thuận với các đối tượng có tên Sen, Nhiên đang sinh sống tại Trung Quốc để tuyển chọn, chuyển giao các phụ nữ Việt Nam bán cho đàn ông Trung Quốc làm vợ, cứ mỗi một

phụ nữ được đàn ông Trung Quốc mua Đ sẽ nhận được số tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng. Để dễ dàng dụ dỗ các phụ nữ, Đ câu kết với C, C tiếp tục câu kết với G1 để tìm kiếm, tuyển chọn các cô gái Việt Nam lấy chồng Trung Quốc, hứa hẹn sẽ được đời, có cuộc sống sung túc, giàu sang, có điều kiện để phụ giúp gia đình; bán được 01 phụ nữ Đ trả cho C 2.000.000 đồng, C trả cho G1 500.000 đồng. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận từ tháng 5-2016 đến ngày 27-4-2017 đã thực hiện hành vi phạm tội cụ thể như sau:

Bị cáo Đ đã trực tiếp thực hiện 03 lần tuyển chọn 09 phụ nữ Việt Nam và câu kết với các đối tượng L5, Sen, Nhiên đưa các phụ nữ Việt Nam sang Trung Quốc gả bán, gồm có: Nguyễn Thị Cẩm T7, Võ Thị Ngọc N3, Lê Thị P1, Nguyễn Thị H6, Phạm Thị L2, Võ Thị L1, Nguyễn Thị Hoa N2, Đào Thị Mỹ L3, Nguyễn Thị Ánh N1; trong đó đưa trót lọt sang Trung Quốc được 06 phụ nữ, gả bán cho đàn ông Trung Quốc được 03 phụ nữ; còn lại 03 cô gái đang ở nhà nghỉ nhận vé máy bay để chờ đi ra sân bay làm thủ tục lên máy bay tại sân bay Tân Sơn Nhất thì bị kiểm tra phát hiện, bắt giữ. Bị cáo Đ thu lợi 10.000.000 đồng.

Bị cáo C trực tiếp thực hiện 03 lần tuyển chọn 09 phụ nữ Việt Nam nêu trên giao cho Đ để đưa sang Trung Quốc gả bán. Bị cáo C thu lợi 1.500.000 đồng.

Bị cáo G1 trực tiếp giới thiệu cho bị cáo C 06 phụ nữ Việt Nam trong 09 phụ nữ nêu trên giao cho Đ để đưa sang Trung Quốc gả bán, gồm: H6, L2, Lý, N2, L3, N1. Bị cáo G1 thu lợi 500.000 đồng.

Quá trình điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chỉ xác định được 05 bị hại gồm: Phạm Thị L2, Võ Thị L1, Nguyễn Thị Hoa N2, Đào Thị Mỹ L3, Nguyễn Thị Ánh N1. Còn các chị T7, N3, P1, H6 hiện đang sinh sống tại Trung Quốc, không làm việc được nên không đủ căn cứ chứng minh Đ cùng đồng phạm đã thực hiện hành vi phạm tội đối với 04 phụ nữ này.

Từ hành vi nêu trên đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Phạm Thị Kim C, Đặng Thị G1 phạm tội “Mua bán người” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 119 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, quyền tự do của người phụ nữ được pháp luật bảo vệ; xem phụ nữ như món hàng để mua bán, trao đổi lấy tiền, ảnh hưởng đến chính sách ngoại giao của Việt Nam, gây mất trật tự an toàn xã hội.

Vụ án mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo gây nguy hại lớn cho xã hội, các bị cáo nhận thức rõ hành vi đưa phụ nữ ra nước ngoài gả bán để hưởng lợi là sai trái nhưng vẫn cố ý thực hiện vì mục đích, động cơ tư

lợi cá nhân, đi ngược lại với lợi ích của cộng đồng, xã hội. Cần xử lý nghiêm các bị cáo để đảm bảo tính răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

Thấy rằng, khi thực hiện hành vi phạm tội giữa các bị cáo có sự thỏa thuận thống nhất, câu kết chặt chẽ trong việc tuyển chọn, tiếp nhận và chuyển giao các cô gái Việt Nam sang Trung Quốc. Tất cả 05 bị hại đều được tuyển chọn với mục đích đưa sang Trung Quốc giả bán để các bị cáo hưởng lợi, các bị cáo đã tổ chức đưa 02 lần, trong đó một lần đưa trót lọt 02 cô gái sang Trung Quốc, một lần đang làm thủ tục cho 03 cô gái thì bị phát hiện bắt giữ. Do đó, có căn cứ xác định các bị cáo phạm tội có tổ chức, mục đích để đưa ra nước ngoài, phạm tội đối với nhiều người và phạm tội nhiều lần theo các tình tiết định khung quy định tại các điểm b, đ, e, g khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo Đ, C, G1 về tội “Mua bán người” theo các điểm b, đ, e, g khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo:

Đối với bị cáo Đ: Bị cáo giữ vai trò chủ mưu, trực tiếp thỏa thuận với các đối tượng có liên quan và tổ chức đưa phụ nữ Việt Nam sang Trung Quốc để giả bán cho đàn ông Trung Quốc nhằm hưởng lợi. Vì trực lợi bị cáo đã móc nối với bị cáo C tạo thành đường dây dụ dỗ, tuyển chọn phụ nữ Việt Nam đưa sang Trung Quốc, hứa hẹn sẽ có cuộc sống giàu sang, sẽ được đổi đời. Trong vụ án này, bị cáo giữ vai trò chính, chịu mức án cao nhất trong đồng phạm.

Đối với bị cáo C: Bị cáo vì hám lợi nên đã đồng ý câu kết với bị cáo Đ tìm phụ nữ Việt Nam giao cho Đ đưa sang Trung Quốc, mỗi phụ nữ bán được bị cáo C sẽ nhận được 2.000.000 đồng từ bị cáo Đ. Đồng thời, bị cáo còn móc nối với bị cáo G1 (làm nghề xem bói) để dễ dàng tìm kiếm được phụ nữ Việt Nam hướng cho lấy chồng Trung Quốc. Bị cáo là người thực hành tích cực trong vụ án nên phải chịu mức án sau bị cáo Đ.

Đối với bị cáo G1: Bị cáo cũng vì hám lợi nên đã đồng ý câu kết với bị cáo C dụ dỗ phụ nữ Việt Nam lấy chồng Trung Quốc, bị cáo đã trực tiếp giới thiệu cho C 05 phụ nữ Việt Nam. Trong vụ án này, bị cáo cũng là người thực hành tích cực nên phải chịu mức án sau bị cáo C.

[4] Khi quyết định hình phạt có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo Đ, C, G1 tự nguyện khai báo các khoản thu lợi từ hành vi trái pháp luật và tác động gia đình nộp lại các khoản thu lợi này đã thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên có cơ sở áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Riêng đối với bị cáo Đ: Trong quá trình điều tra bị cáo cung cấp đơn đề ngày 26-6-2017 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T với nội dung ông Nguyễn Văn Tâm – cha ruột của bị cáo thuộc đối tượng có công cách mạng; nên có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Đối với lời trình bày của luật sư bào chữa cho bị cáo C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” vì bị cáo chỉ thu lợi bất chính số tiền 1.500.000 đồng nhưng xét thấy hành vi của bị cáo không chỉ gây thiệt hại về vật chất mà còn gây thiệt hại về tinh thần, danh dự, nhân phẩm của các bị hại nên lời đề nghị của luật sư là không có căn cứ. Đồng thời, các luật sư cho rằng các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, lớn tuổi, đau bệnh để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự là không phù hợp với quy định tại Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04-8-2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên không có cơ sở chấp nhận.

[5] Các đối tượng Sen, Nhiên, Bé Ba không làm việc được nên chưa có căn cứ xử lý.

Đối với Đào Thị Hà L5 hiện chỉ thừa nhận làm môi giới trong việc đặt mua vé máy bay, làm giấy thông hành để hưởng lợi, không thừa nhận có việc thỏa thuận với bị cáo Đ nhận phụ nữ Việt Nam đưa sang Trung Quốc, tiền hưởng lợi của bị cáo Đ cũng do đối tượng từ bên Trung Quốc chuyển về. Nguyễn Hoàng H5 có hành vi nhận hộ chiếu của các phụ nữ để chuyển giao theo yêu cầu của bị cáo Đ; thấy rằng, H5 làm nghề chạy xe ôm chở khách lấy tiền, bản thân H5 không biết và không được bị cáo Đ cho biết việc tổ chức đưa phụ nữ Việt Nam sang Trung Quốc để gả bán. Nguyễn Ngọc T5 là con ruột của bị cáo C, đã giúp bị cáo C chụp ảnh, hộ chiếu của 03 cô gái N2, N1, L3 gửi cho Đ; đồng thời, T5 đã dẫn các cô gái đi gặp bị cáo Đ khi được yêu cầu do bị cáo C bị đau chân; xét thấy, về nhận thức do trước đây T5 cũng được người khác đưa đi lấy chồng Trung Quốc nên nghĩ việc làm của bị cáo C là không vi phạm pháp luật, việc làm của T5 chỉ đơn thuần là giúp đỡ mẹ của mình. Từ những nhận

định trên cho thấy hành vi của Đào Thị Hà L5, Nguyễn Hoàng H5, Nguyễn Ngọc T5 không đủ cơ sở để xử lý.

[6] Đối với số tiền mà các bị cáo đã nhận từ hành vi trái pháp luật, cụ thể bị cáo Đ 10.000.000 đồng, bị cáo C 1.500.000 đồng, bị cáo G1 500.000 đồng, mặc dù số tiền này không phải là thu lợi bất chính từ các bị hại trong vụ án này nhưng tại phiên tòa hôm nay các bị cáo tự nguyện nộp lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Các bị cáo Đ, C, G1 không có tài sản và không có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận các bị hại L1, N1, L3, N2 không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa, bị hại L2 yêu cầu bị cáo Đ bồi thường khoản tiền mất thu nhập nhưng chưa xác định cụ thể số tiền bồi thường cũng chưa cung cấp được chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử chưa có căn cứ xem xét, sẽ giải quyết trong vụ án khác khi bị hại L2 có yêu cầu.

Đối với yêu cầu của anh Phạm Văn L4 về việc bị cáo Đ phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền 18.000.000 đồng là chi phí anh L4 đã giao trực tiếp cho bị cáo Đ theo biên nhận ngày 20-3-2016 để chuộc và đưa bị hại Võ Thị L1 về Việt Nam; tại phiên tòa, bị cáo Đ thừa nhận và đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh L4 nên ghi nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 41 của Bộ luật Hình sự và Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước điện thoại di động của các bị cáo Đ, C, G1 dùng vào việc phạm tội và tiền thu lợi bất chính của các bị cáo;
- Tịch thu tiêu hủy các giấy tờ không có giá trị sử dụng;
- Lưu hồ sơ các giấy tờ, tài liệu có liên quan để làm căn cứ giải quyết vụ án;
- Hoàn trả cho các bị cáo các giấy tờ, tài liệu hợp pháp không liên quan đến tội phạm.

Những đồ vật nêu trên hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh đang quản lý.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Phạm Thị Kim C, Đặng Thị G1 phạm tội “Mua bán người”.

- Áp dụng các điểm b, đ, e, g khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27-4-2017.

- Áp dụng các điểm b, đ, e, g khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Kim C 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27-4-2017.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị G1 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27-4-2017.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn cho các bị cáo.

3. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự.

Ghi nhận 04 bị hại L1, N1, N2, L3 không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Thị Đ đồng ý bồi thường cho anh Phạm Văn L4 số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự và Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ:

- Tiền thu lợi bất chính của các bị cáo, cụ thể:

+ Ghi nhận bị cáo Đ tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), gia đình bị cáo Đ đã nộp xong theo biên lai thu số 0008359 ngày 14-12-2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;

+ Ghi nhận bị cáo C tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), gia đình bị cáo C đã giao nộp xong vào ngày 19-8-2017 tại Phòng Cảnh sát Hình sự Công an Tây Ninh hiện Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh đang giữ.

+ Ghi nhận bị cáo G1 tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), gia đình bị cáo G1 đã nộp xong theo biên lai thu số 0008360 ngày 14-12-2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Nokia X1, màu đen, số Imei 1: 354602/05884846/1 kèm theo 01 sim điện thoại, đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động Samsung màu trắng hiệu G360H/DS, số Imei 1: 357932/06/103736/5, số Imei 2: 357935/06/103736/3, đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Lv mobile màu đỏ đen, số Imei 840000940221959, đã qua sử dụng

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) Chứng minh nhân dân bản photo số 291018115 mang tên Phạm Thị Kim C.

Hoàn trả cho bị cáo Đ:

- 01 (một) hộ chiếu số B4174560 và 01 (một) giấy thông hành số 0365153 cùng mang tên Nguyễn Thị Đ;

- Tiền Việt Nam 1.000.000 đồng (một triệu đồng) không kiểm tra thật giả, nhưng tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

Hoàn trả cho bị cáo C: 01 (một) hộ chiếu số B8518014 và 01 (một) hộ chiếu số C1042783 cùng mang tên Phạm Thị Kim C;

Hoàn trả cho bị hại Nguyễn Thị Hoa N2: 01 (một) hộ chiếu số C0465646 và 01 (một) hộ chiếu số C3245757 cùng mang tên Nguyễn Thị Hoa N2.

Lưu vào hồ sơ vụ án:

- 06 (sáu) tấm hình thẻ 4 x 6 được đánh số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6;

5. Án phí: Áp dụng các Điều 98, 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Đ, C, G1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Đ phải chịu 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng).

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho bị cáo và những người tham gia tố tụng biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh TN;
- VP CQCSĐT CA tỉnh;
- Phòng PV27 CA Tây Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Trại tạm giam;
- Công an cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thu Trang